

Trường Mầm Non Yên Hưng

Xã Yên Mô - Tỉnh Ninh Bình

BẢNG TÀI CHÍNH CÔNG KHAI

Ngày 6 tháng 2 năm 2026

Số phiếu: 104943

Đơn vị tính: **Đồng** Số suất ăn: **237** Từ 18-24 tháng: **0** Từ 24-36 tháng: **78** Trên 36 tháng: **159**

STT	Tên hàng hoá	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước rửa bát	NRB	Kg	1.3	34,200	44,460
2	Sữa bột Vinamilk	SBVNM	Kg	4.5	255,000	1,147,500
3	Nước mắm nhĩ Châu Thủy	NMNCT	Kg	0.3	100,000	30,000
4	Gạo tẻ	GT	Kg	23.1	18,500	427,350
5	Muối BC Hà Nội 400g	MBCHN	Kg	1.2	45,000	54,000
6	Gạo nếp loại 1	GNL1	Kg	10.0	35,000	350,000
7	Muối hạt	MU	Kg	1.3	10,000	13,000
Hàng kho						2,066,310
8	Rau mùi ta	RMTA	Kg	0.1	70,000	7,000
9	Thịt ba chỉ	TBC	Kg	10.6	155,000	1,643,000
10	Khoai tây	KT	Kg	7.2	25,000	180,000
11	Thịt nạc thăn	TNT	Kg	2.0	160,000	320,000
12	Đậu phụ	DP	Kg	5.6	27,000	151,200
13	Hành khô	HK	Kg	0.1	35,000	3,500
14	Xương ống lợn + khuy	XOK	Kg	8.1	68,000	550,800
15	Hành hoa (Hành lá)	HH	Kg	0.2	40,000	8,000
16	Thịt lợn mỡ (Thịt mỡ heo)	TLM	Kg	2.6	90,000	234,000
17	Cà rốt	CR	Kg	2.0	25,000	50,000
Hàng chợ						3,147,500
Phụ phí						0
Tổng cộng						5,213,810
Bằng chữ						Năm triệu, hai trăm mười, ba ngàn, tám trăm mười đồng.

Yên Mô, ngày 06 tháng 02 năm 2026

* Quyết toán tiền ăn trong ngày:

Hôm trước mang sang: 2,618
Tiêu chuẩn được chi: 5,214,000
Tiền hỗ trợ bữa ăn trong ngày: 0
Đã chi: 5,213,810
Thừa (thiếu): 2,808



HIỆU TRƯỞNG
Phan Chi Lâm Hà